

Số: 234/TB-UBND

Kinh Môn, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 212/2025/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND phường Kinh Môn về ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức và người lao động tại các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các đơn vị sự nghiệp thuộc phường;

Căn cứ kết quả họp đánh giá, xếp loại tại cuộc họp Ủy ban nhân dân phường ngày 10/12/2025; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Kinh Môn thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 như sau:

1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá: 41/41.
2. Kết quả xếp loại chất lượng:
  - 2.1. **Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:** 08/41 cá nhân, đạt tỷ lệ 19.5%.  
Trong đó: Cán bộ công chức 07/41 (đạt tỷ lệ 17.1%);  
Viên chức 01/41 (đạt tỷ lệ 2.4%).
  - 2.2. **Hoàn thành tốt nhiệm vụ:** 33/41 cá nhân, đạt tỷ lệ 80.5%.  
Trong đó: Cán bộ công chức 30/41 (đạt tỷ lệ 73.2%);  
Viên chức 03/41 (đạt tỷ lệ 7.3%).
  - 2.3. **Hoàn thành nhiệm vụ:** 0/41 cá nhân, đạt tỷ lệ 0%.
  - 2.4. **Không hoàn thành nhiệm vụ:** 0/41 cá nhân, đạt tỷ lệ 0%.

(có bảng tổng hợp danh sách chi tiết kèm theo)



Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 là cơ sở để các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND phường tiếp tục thực hiện việc đánh giá, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng công chức, viên chức nhằm hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi Thông báo được phát hành trên hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử thành phố (HPNET), cá nhân có ý kiến khác về kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025 gửi về phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND phường xem xét, giải quyết theo quy định.

Chủ tịch UBND phường thông báo đến các phòng chuyên môn, trung tâm và công chức, viên chức thuộc UBND phường được biết. /? *lưu*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ thành phố (để b/c);
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Bảo Trung*  
**Nguyễn Bảo Trung**



UBND PHƯỜNG KINH MÔN  
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

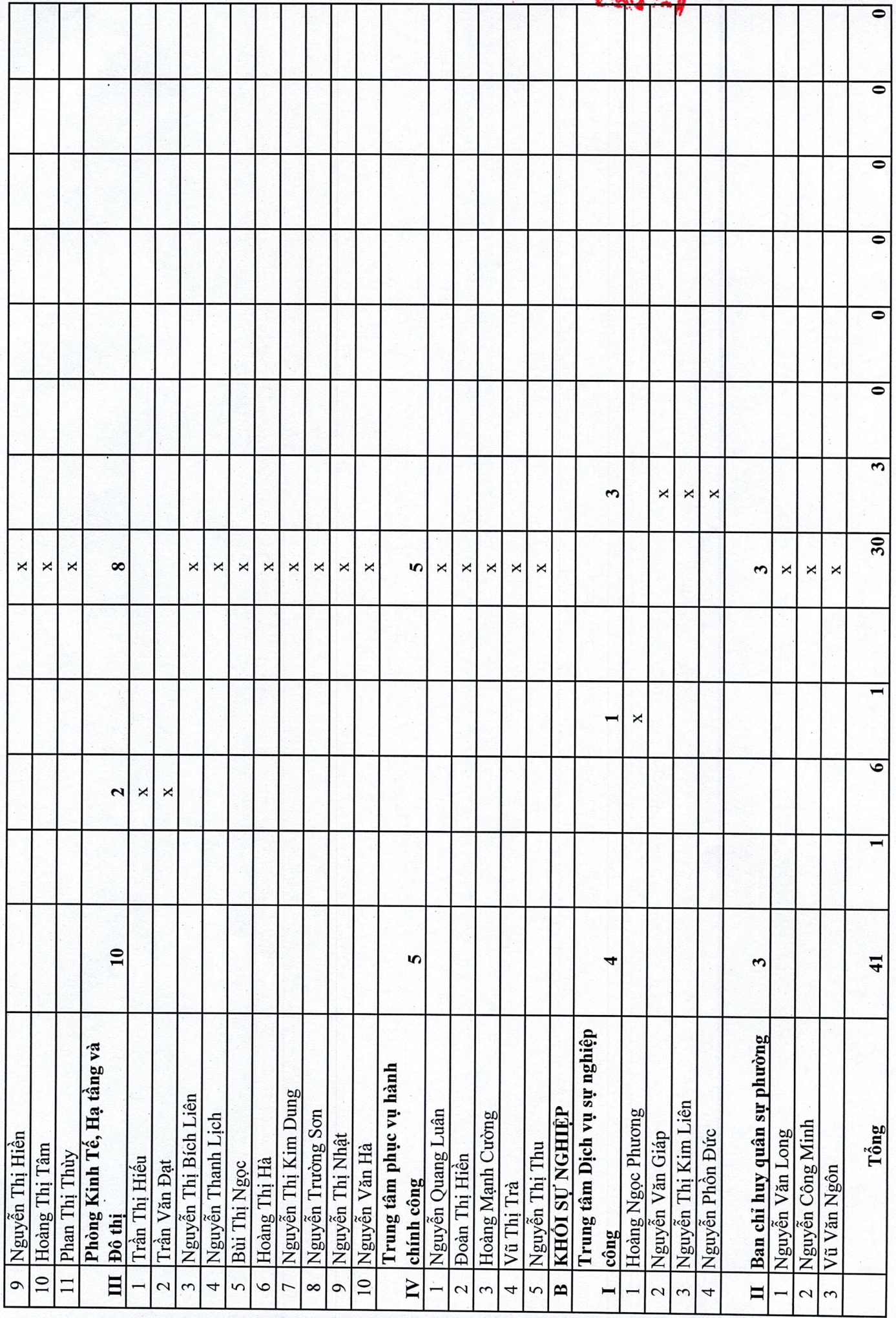
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỔNG HỢP KẾT QUẢ  
XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,  
NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2025

| TT | Họ tên                           | Tổng<br>CBCC,<br>NLĐ | Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức |              |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------|--------------|--------------|-------------------------|--------------|--------------|---------------------|--------------|--------------|------------------------------|--------------|--------------|
|    |                                  |                      | Hoàn thành xuất sắc<br>nhiệm vụ                          |              |              | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |              |              | Hoàn thành nhiệm vụ |              |              | Không hoàn thành nhiệm<br>vụ |              |              |
|    |                                  |                      | Cán bộ                                                   | công<br>chức | viên<br>chức | Cán bộ                  | công<br>chức | viên<br>chức | Cán bộ              | công<br>chức | viên<br>chức | Cán bộ                       | công<br>chức | viên<br>chức |
| A  | KHỐI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC            |                      |                                                          |              |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| I  | Văn phòng HĐND và<br>UBND phường | 8                    | 1                                                        | 2            |              |                         | 5            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 1  | Hoàng Công Tình                  |                      | x                                                        |              |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 2  | Nguyễn Chi Ngọc                  |                      |                                                          | x            |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 3  | Phạm Văn Tuyền                   |                      |                                                          | x            |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 4  | Trần Văn Định                    |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 5  | Nguyễn Mạnh Hà                   |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 6  | Nguyễn Thị Chăm                  |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 7  | Bùi Thị Thủy                     |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 8  | Bùi Thị Thảo                     |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| II | Phòng Văn hóa - Xã hội           | 11                   |                                                          | 2            |              |                         | 9            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 1  | Trần Thị Vần                     |                      |                                                          | x            |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 2  | Hoàng Thị Nhung                  |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 3  | Nguyễn Thị Huyền                 |                      |                                                          | x            |              |                         |              |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 4  | Lương Văn Bình                   |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 5  | Nguyễn Văn Chiến                 |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 6  | Trần Thanh Quyền                 |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 7  | Trần Thị Phương                  |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |
| 8  | Nguyễn Thị Hà                    |                      |                                                          |              |              |                         | x            |              |                     |              |              |                              |              |              |







1000000

TP HẢI P.

| STT | Cơ quan, đơn vị trực thuộc        | Tổng số<br>CB, CC,<br>VC<br>đánh giá | Kết quả đánh giá, xếp loại         |       |                        |        |                        |  |                              |  | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|-------|------------------------|--------|------------------------|--|------------------------------|--|---------|
|     |                                   |                                      | Hoàn thành<br>xuất sắc nhiệm<br>vụ |       | Hoàn thành<br>nhiệm vụ |        | Hoàn thành<br>nhiệm vụ |  | Không hoàn<br>thành nhiệm vụ |  |         |
|     |                                   |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
|     |                                   |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
| SL  | %                                 | SL                                   | %                                  | SL    | %                      | SL     | %                      |  |                              |  |         |
| I   | KHỐI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN           |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
| 1   | Văn phòng HĐND và UBND phường     | 8                                    | 3                                  | 37.50 | 5                      | 62.50  |                        |  |                              |  |         |
| 2   | Phòng Văn hóa - xã hội phường     | 11                                   | 2                                  | 18.18 | 9                      | 81.82  |                        |  |                              |  |         |
| 3   | Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị  | 10                                   | 2                                  | 20.0  | 8                      | 80.00  |                        |  |                              |  |         |
| 4   | Trung tâm phục vụ hành chính công | 5                                    |                                    |       | 5                      | 100.00 |                        |  |                              |  |         |
| II  | KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP             |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
| 1   | Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công  | 4                                    | 1                                  | 25.00 | 3                      | 75.00  |                        |  |                              |  |         |
| 2   | Ban chỉ huy quân sự phường        | 3                                    | 0                                  | 0     | 3                      | 100.00 |                        |  |                              |  |         |
| III | Hợp đồng 111                      |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
|     |                                   |                                      |                                    |       |                        |        |                        |  |                              |  |         |
|     | TỔNG CỘNG                         | 41                                   | 8                                  |       | 33                     |        |                        |  |                              |  |         |